

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm
năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

*Căn cứ Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả ngày 17/6/2010;
Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và
hiệu quả ngày 18/6/2025;*

*Căn cứ Nghị định số 30/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ
quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật
sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2020/TT-BCT ngày 29/9/2020 của Bộ trưởng
Bộ Công Thương quy định về việc lập kế hoạch, báo cáo thực hiện kế hoạch sử
dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; thực hiện kiểm toán năng lượng;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 220/TTr-SCT
ngày 18/3/2026.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Công Thương:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan:

- Tổ chức quản lý hoạt động sử dụng năng lượng của các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm theo đúng quy định của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và Nghị định số 30/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ.

- Tổ chức kiểm tra, rà soát, cập nhật và lập Danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trên địa bàn tỉnh; tổng hợp trình UBND tỉnh phê duyệt, gửi Bộ Công Thương tổng hợp trước ngày 31 tháng 3 hằng năm.

b) Chịu trách nhiệm về tính chính xác, đúng đủ của Danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm, đảm bảo đúng tiêu chuẩn, tiêu chí được quy định tại Nghị định số 30/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ.

2. Các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, có trách nhiệm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định tại Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, Nghị định số 30/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Công Thương, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường; Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp, Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các cơ sở được phê duyệt tại Điều 1 và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Bộ Công Thương (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- Công ty Điện lực Thanh Hóa;
- Lưu VT, CNXDKH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Mai Xuân Liêm

Phụ lục
DANH SÁCH CƠ SỞ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TRỌNG ĐIỂM NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Lĩnh vực	Ngành nghề sản xuất	Năng lượng tiêu thụ quy đổi (TOE)
1	Nhà máy Xi măng Bim Sơn - Công ty Xi măng Bim Sơn.	Phường Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	Công nghiệp.	Sản xuất xi măng.	279.462,04
2	Nhà máy Xi măng Nghi Sơn - Công ty Cổ phần Xi măng Nghi Sơn.	Phường Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	Công nghiệp.	Sản xuất xi măng.	394.983,35
3	Nhà máy Xi măng Công Thanh - Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh.	Xã Trường Lâm, tỉnh Thanh Hóa.	Công nghiệp.	Sản xuất xi măng.	3.198,14
4	Nhà máy Xi măng Long Sơn - Chi nhánh Công ty TNHH Long Sơn.	Phường Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	Công nghiệp.	Sản xuất xi măng.	951.859,93
5	Nhà máy Xi măng Đại Dương - Công ty Cổ phần Xi măng Đại Dương.	Xã Trường Lâm, tỉnh Thanh Hóa.	Công nghiệp.	Sản xuất xi măng.	512.023,23
6	Nhà máy sản xuất bao bì Đại Dương - Công ty Cổ phần đầu tư khoáng sản Đại Dương.	Xã Trường Lâm, tỉnh Thanh Hóa.	Công nghiệp.	Sản xuất bao bì.	2.420,82
7	Nhà máy sản xuất giấy bao bì Miza Nghi Sơn - Công ty TNHH Miza Nghi Sơn.	Khu công nghiệp (KCN) số 05 thuộc Khu kinh tế Nghi Sơn, xã Trường Lâm, tỉnh Thanh Hóa.	Công nghiệp.	Sản xuất bao bì.	9.237,43
8	Nhà máy sản xuất men Vicenza - Tổng Công ty Đầu tư phát triển Đô thị - Công ty Cổ Phần.	Lô C, E KCN Lễ Môn, phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa.	Công nghiệp.	Sản xuất vật liệu xây dựng.	27.042,78
9	Công ty TNHH giày ARESA Việt Nam.	Lô D, KCN Lễ Môn, phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa.	Công nghiệp.	Sản xuất giày dép.	1.465,41

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Lĩnh vực	Ngành nghề sản xuất	Năng lượng tiêu thụ quy đổi (TOE)
10	Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn.	Xã Lam Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	Công nghiệp.	Sản xuất đường.	3.987,54
11	Công ty TNHH Giày SUNJADE Việt Nam.	Lô B, KCN Lễ Môn, phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa.	Công nghiệp.	Sản xuất giày dép.	6.748,91
12	Công ty TNHH Giày ANNORA Việt Nam.	Khu kinh tế Nghi Sơn, phường Đào Duy Từ, tỉnh Thanh Hóa.	Công nghiệp.	Sản xuất giày dép.	17.136,57
13	Công ty TNHH Giày ALENA Việt Nam.	Xã Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.	Công nghiệp.	Sản xuất giày dép.	10.644,12
14	Công ty TNHH Giày Roll Sport Việt Nam.	KCN Hoàng Long, phường Nguyệt Viên, tỉnh Thanh Hóa.	Công nghiệp.	Sản xuất giày dép.	10.156,74
15	Công ty TNHH Giày Aleron Việt Nam	KCN Hoàng Long, phường Nguyệt Viên, tỉnh Thanh Hóa.	Công nghiệp.	Sản xuất giày dép.	4.596,41
16	Nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn 1.	Phường Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Công nghiệp.	Sản xuất điện.	584.432,47
17	Nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn 2.	Khu Kinh tế Nghi Sơn, phường Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	Công nghiệp.	Sản xuất điện.	2.236.485,14
18	Công ty Cổ phần sữa Việt Nam - Nhà máy sữa Lam Sơn.	KCN Lễ Môn, phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa.	Công nghiệp.	Chế biến sữa.	3.082,38
19	Công ty Cổ phần giấy Mực Sơn.	Xã Lam Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	Công nghiệp.	Sản xuất giấy.	9.345,99
20	Công ty Cổ phần bia Hà Nội - Thanh Hóa.	Phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa	Công nghiệp.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia.	2.426,12
21	Công ty TNHH lọc hóa dầu Nghi Sơn.	Khu kinh tế Nghi Sơn, phường Hải Bình, tỉnh Thanh Hóa.	Công nghiệp.	Sản xuất dầu.	1.882.178,54
22	Công ty TNHH MTV thép VAS Nghi Sơn.	Khu liên hợp gang thép Nghi Sơn - Khu Kinh tế Nghi Sơn, phường Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	Công nghiệp.	Sản xuất thép.	179.450,98

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Lĩnh vực	Ngành nghề sản xuất	Năng lượng tiêu thụ quy đổi (TOE)
23	Nhà máy gạch - Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Vicenza.	Lô A, KCN Lễ Môn, phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa.	Công nghiệp.	Sản xuất gạch men, gạch bán sứ, gạch granite và các sản phẩm gốm sứ khác.	5.203,15
24	Công ty Cổ phần Giấy Lam Sơn Thanh Hóa.	Xã Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.	Công nghiệp.	Sản xuất giấy.	4.169,23
25	Công ty TNHH Giày Venus Việt Nam.	Cụm Công nghiệp làng nghề, xã Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.	Công nghiệp.	Sản xuất giày dép.	5.816,20
26	Công ty TNHH Lionas Metals.	Phường Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	Công nghiệp.	Sản xuất sắt, thép, gang	31.596,81
27	Công ty TNHH SAKURAI Việt Nam.	Lô F2, Khu F KCN Lễ Môn, phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa.	Công nghiệp.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú).	3.877,12
28	Công ty TNHH Giày WEILINA Việt Nam.	Xã Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.	Công nghiệp.	Sản xuất giày dép.	2.764,95
29	Công ty TNHH Giày Akalia Việt Nam.	Xã Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa.	Công nghiệp.	Sản xuất giày dép.	3.118,49
30	Trạm nghiền Long Sơn - Công ty TNHH công nghiệp Long Sơn.	Phường Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	Công nghiệp.	Sản xuất xi măng.	23.874,55
31	Công ty TNHH Giày ADIANA Việt Nam.	Xã Thọ Phú, tỉnh Thanh Hóa.	Công nghiệp.	Sản xuất giày dép.	3.410,39
32	Công ty TNHH dịch vụ và chăn nuôi New Hope Thanh Hóa.	Xã Thạch Quảng, tỉnh Thanh Hóa.	Chăn nuôi.	Chăn nuôi lợn.	1.589,38
33	Công ty TNHH Dệt KIM JASAN Thanh Hóa.	Xã Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.	Công nghiệp.	Sản xuất dệt may.	4.946,57

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Lĩnh vực	Ngành nghề sản xuất	Năng lượng tiêu thụ quy đổi (TOE)
34	Tổ hợp thương mại, dịch vụ - Chi nhánh tại tỉnh Thanh Hóa - Công ty Cổ phần Vincom Retail.	Phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.	Tòa nhà.	Tòa nhà.	1.210,05
35	Công Ty TNHH MTV Tce Jeans.	Xã Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.	Công nghiệp.	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú).	4.773,58
36	Công ty TNHH MTV Bò sữa Thống Nhất Thanh Hóa.	Xã Yên Phú, tỉnh Thanh Hóa.	Công nghiệp.	Sản xuất và chế biến sữa.	1.680,36
37	Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hoá.	Xã Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.	Công nghiệp.	Sản xuất thuốc lá.	1.020,73
38	TTTT GO! Thanh Hóa - Chi nhánh Công ty CP BĐS Việt Nhật tại Thanh Hóa.	Phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.	Trung tâm thương mại.	Trung tâm thương mại.	878,35
39	Công ty TNHH FLC SamSon Golf & Resort.	FLC SamSon Golf Links, phường Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	Khu thể thao, vui chơi.	Khách sạn.	2.297,20
40	Nhà máy lớp - Công ty TNHH Lớp COFO Việt Nam.	KCN Bím Sơn, phường Bím Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	Công nghiệp.	Sản xuất lớp.	17.843,96
41	Công ty TNHH Giày Kim Đạt - Nhà máy Giày Kim Đạt.	Xã Tân Ninh, tỉnh Thanh Hóa.	Công nghiệp.	Sản xuất giày, dép.	1.215,17
42	Khu liên hợp sản xuất chăn nuôi công nghệ cao Xuân Thiện Thanh Hóa 1- Công ty CP Xuân Thiện Thanh Hóa.	Xã Minh Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	Công nghiệp.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.	3.141,99
43	Công ty TNHH hai thành viên ứng dụng công nghệ cao nông nghiệp và thực phẩm sữa Yên Mỹ.	Xã Công Chính, tỉnh Thanh Hóa.	Công nghiệp.	Sản xuất, chế biến thực phẩm sữa.	2.013,94
44	Công ty TNHH DABACO Thanh Hóa.	Xã Thạch Quảng, tỉnh Thanh Hóa.	Chăn nuôi.	Chăn nuôi lợn.	2.545,26

Danh sách ấn định có 44 cơ sở./.